

Former Political Prisoners of Communist Vietnam Association

HỘI CƯ TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

HỘI BẤT VỤ LỢI GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải tạo" ở Việt Nam để đưa họ nhập vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first)

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

HOÀNG ĐĂNG XÚNG

2. Sex: Male... Date of Birth 24/1/1944

(Phối)... (Ngày sinh)

Place of birth: Trưng Bửu, Quảng Điền, Thừa Thiên

3. Last position/Rank, Agency/Unit

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

Đầu tiên... Trung tá... Phòng Tổng quản trị

Trưởng võ bị Đà Lạt (KSC 4027)

B. ARREST:

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 23-6-1975 Trưng Bửu, Quảng Điền

(Ngày, nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps

(Tên địa điểm các trại giam)

Trại Long Giao (Sơn La, Hoàng Liên Sơn, Yên Bái, Hàm Sơn 5)

3. Date of release or still in camps: 28-9-1981

(Ngày được thả hay còn bị giam)

Thanh Hóa

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Đã gả

(Cả gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Child

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Vợ: Trần Thị Lộc

Con: Hoàng Thị Ngọc Hoàng (trai)

Hoàng Đăng Việt (trai)

Hoàng Trọng Thái Kiệt (trai)

3. Address of family:

(Địa chỉ gia đình)

45/40 Trần Hưng Đạo P.12. Phú Nhuận Hồ Chí Minh

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: HOÀNG THU

(Họ và tên)

Occupation:

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number:

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

Chức vụ của vợ

4. Status in USA:

(Tình trạng cư trú)

Permanent resident ☐

US citizen ☒

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho người tù nhân không?)

Yes ☒

No ☐

Date: (Ngày, tháng, năm)

SAIGON, 12-4-1989

Signature of applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)

Hoàng Đăng Xung

P. O. BOX 635
WESTMINSTER, CALIF.
92684-0635

Đb. Kính gửi thân.

Tôi là Hùng. Khoảng 20 Đại Đội F. từ 27-12-1963 chuyển huyện tại
Đến 20-11-1965

Trưởng vũ bị Dalat.

* Tôi vừa có 1 đứa con tại Hoàng đang Việt.

Địa chỉ MC 277 Zon F12/6

Camp Pulau Bidong.

Malaysian Red Crescent Society (Mees)

Tracing & Mailing Service (TMS)

P.O. Box 12468

50778 Kuala Lumpur - Malaysia

Kính Xin quý hiên thưởng hoặc cái bạn rỗng khoảng tiền các
giúp đỡ.

Hoàng

Hoàng X3.

GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST
TỔNG HỘI CỰ TỬ NHÂN CHÍNH TRỊ CỘNG SẢN VIỆT NAM
P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 • TEL: (714) 894-4138

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị
(Two Copies)

IV. # 044033
VEWL. # 18671 of May 15, 1984
1171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camps in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải tạo ở Việt Nam để được phép rời Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có

1. Name (Family name, middle, first):

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: Nam DOB: 29/1/1942

(Phái)

(Ngày sinh)

(Nơi sinh)

3. Last position/Rank, Agency/Unit

(Chức vụ cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

HOANG DANG XUNG

Trang Lữ, Quảng Trị, Thừa Thiên

Đại úy Trưởng ban điều hành Phòng tổng quản trị

Trưởng Võ Bị Đoàn Khe 4027

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest:

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps:

(Tên địa điểm các trại giam)

3. Date of release or still in camps:

(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single:

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Con: Hoàng Thị Ngọc Thanh sinh 1-6-1968

Hoàng Tăng Việt sinh 16-10-1971

Hoàng Trần Thị Kiệt sinh 10-7-1974

3. Address of family:

(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name:

(Họ và tên)

2. Address and phone number:

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee:

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in U.S.:

(Tình trạng cư trú)

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)

(Ông/Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đường sự không?)

Date:

(Ngày, tháng, năm)

22 tháng 3 năm 1984

Trần Thị Nga

Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

(Certificate of Release)



Hoàng Dạng Xung

BỘ NỘI VỤ
Trại cải tạo số 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

755
(CM)

01005 7B 2009 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.
Thi hành án văn, quyết định tha số 125 ngày 23 tháng 9 năm 1984 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:
Họ, tên khai sinh Hoàng Đăng Xứng
Họ, tên thường gọi
Họ, tên bí danh
Sinh ngày 29 tháng 1 năm 1942
Nơi sinh Hiền Lương, Quảng Trị, Thừa Thiên
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 45/65 Trương Tấn Bửu, Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Can tội Đại úy ngũ quân Trường ban chấp hành VP Công an tri
Bị bắt ngày 23/6/75 Án phạt 12 năm
Theo quyết định, án văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ nội vụ

Đã bị tăng án ... lần, cộng thành ... năm ... tháng ...
Đã được giảm án ... lần, cộng thành ... năm ... tháng ...
Nay về cư trú tại 45/40 Trương Tấn Bửu, Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Nhận xét quá trình cải tạo

Vào trại được học tập cải tạo, anh Xứng đã thấy được tội lỗi của bản thân, trong cải tạo chưa có biểu hiện gì xấu, lao động chăm bọ, ngày công mức khỏe được giao, có chút lương, học tập thêm gia đình, tiếp thu tốt, có liên hệ bản thân, chấp hành nội quy chưa sai phạm gì lớn.

Chữ ký người trả phải
Của Hoàng Đăng Xứng
Đánh dấu ...
Lập tại ...

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Hoàng

Ngày 23 tháng 9 năm 1984

T. Giám

Trần Hữu Chính

Hoàng Đăng Xứng. Thượng úy: Trần Hữu Chính

Số: _____

**CHỨNG NHẬN
GIỐNG Y BẢN CHÍNH**

Xuất trình tại UBND Phường 12

Ngày 05 tháng 12 năm 1989

UBND Phường 12

CHỦ TỊCH

Ủy Viên Thư Ký



[Handwritten signature]

Lê Thị Kim Anh

BẢN DANH TƯỚNG VÀ CÔNG VỤ

Của Trung-Ủy HOÀNG-DANH-LÂN

Số quân

52/20.0050

HO	TỊCH	MAI	ĐANG
Sinh ngày	29.1.1942	tai	Trảng-Lực
Quan	Quảng-Miền	Tỉnh	Thừa-Thiên
Nghề nghiệp			Tran
Con của Ông	Hoàng-Lân		Lat
Va bà	Hoàng-thị-Hiên		Lat
Hien ở tại	Xã Quảng-Thước		
Quan	Quảng-Miền	Tỉnh	Thừa-Thiên
ket họ ngày	Voi co		hình cao 1 thước
Ở tại	Quan		lưu tích đặc biệt
Tính			
Giấy phép ket hôn			
QUOC TỊCH	V I E T	-	H A I

Tính nguyên nhập ngũ vào Quân Đội Việt Nam Công Hòa

nam

ke tu ngày

2.12.1963

Nguyên trước ở

1963

Voi tu cách

Khóa 20/SVSHD/HLAT

Va giữ cấp bậc

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

- Đã-sinh dân-dịch tằm-nguyên nhập học khóa 20 Sinh-Viên Sĩ-Quan Hiên-Miền Hà-Lạt . Trầm-diện Bộ Tư-Lệnh Vùng I/CT (Phòng 3) ngày 02.12.1963 . Quân-mi được tính k/t ngày ấy . Tha-diện : -Số cơ 11.255-TVL/1/Kh ngày 27.11.63 của Bộ chỉ-huy 1 Tiểu-Vũ .
- Được nhập học khóa 20 SVSHD tại Trường VBQVN do SVVT số 1300-TTL/PCH/4 ngày 4.4.63 của Đại-Tướng Tổng-Isaakhu-Trương Q/VNCH .
- Đến trường với tư-cách SVSHD/20 và quân-vũ được tính k/t ngày 07.12.63 .
- Được hưởng lương Trung-cấp đủ trật 1 k/t ngày đến trường do (t) số 0151-TTL/P3/CH/TTL/TQT/CP/TT ngày 09.01.1964 của Trun-những Tổng-Trưởng Quốc-Phòng kiêm TTL/QLVNH .
- Đã-t-nguyên đầu-qua trong thời hạn đầu năm k/t ngày mãn-khóa 20.11.65 .
- Trưng-tuyển kỳ-thi mãn khóa ngày 20.11.65 với số điểm trung-bình 13.316/20 xếp hạng 168/406 .
- Được thăng-cấp Thiếu-Ủy Hiên-dịch thối-từ k/t ngày 20.11.65 do Nghị-Định số 623-TD/HQ ngày 16.12.65 của Trung-Tướng Trun/QLVNH . Được theo học khóa 25/HQ Hùng núi sinh lầy tại TTHL/Biệt-Động-Quân Dự-ý k/t ngày 27.11.65 đến ngày 9.1.66 . Được bổ-nhậm đi phụ-vụ tại Bộ Tư-Lệnh Sĩ-Đoàn 1/Bộ-Binh k/t ngày 15.01.66 do LTC số 0192-TTL/TQT/QH/BHL/D/K ngày 8.1.66 của BTL/Phòng TQT . Được hưởng 15 ngày phép năm khóa k/t ngày 10.01.66 đến ngày 24.01.66 và phải trình-diện đơn-vị mới ngày 25.01.66 xóa tên trong sổ kiểm tra của Trường k/t ngày 25.01.66 .
- Đã-XD của Trung-Đoàn 2/AB th/cu đến Tiểu-Đoàn 2/3 k/t ngày 01.12.65 do LTC số 1124-TREG3/TI/TQ ngày 9.3.66 .
- Đã đề-cử

Quân-Đội và chỉ huy thuộc Đại-Đội 3/2/3 thay-thế

TP2/3/23 ngày 24.05.66 của Đại-Ủy Tiểu-Đoàn

- 01.07.66.- Được bổ nhận chức vụ Q.Đại-Đội-Trưởng Đại-Đội 3/2/3 thay thế Trung-Ủy HUYỀN-NHƯ-XUÂN k/t ngày 01.07.66, do SVVT số 2982-TNPD3/QT/TC ngày 7.7.66 của Trung-Đoàn 3/BB .
- 01.11.66.- Thăng-cấp Trung-Ủy nhiệm chức k/t ngày 1.11.66 do QĐ số 354-TTM/MĐ ngày 25.10.66 của Bộ Tổng-Tham-Mưu .
- 22.06.67.- LTC Đ. QIV/NTP k/t ngày 22.06.67 do LTC số 2.284-TNPD3/QT/TC ngày 24.06.67 của TNGĐ Bộ binh .
- 01.11.67.- Thăng-cấp Trung-Ủy thực-thụ ngày 01.11.67 do QĐ số 392-TTM/MĐ ngày 31.10.67 của Bộ Tổng-Tham-Mưu .
- 21.03.68.- Xét-việc trở về quê hương của Q.Đại-Đoàn 2/3 do LTC 587-TNPD3/QT/TC ngày 21.03.1968
- 21.03.68.- Chuyển-chuyên về Đại-Đội Công-Ty 3 k/t ngày 21.03.68 do LTC số 2201-TNPD3/QT/TC ngày 14.07.68 .
- 30.09.68.- Được cử giữ chức vụ Sĩ-Quan Phụ-Tá Ban 3 kiêm Sĩ-Quan không-trợ Trung-Đoàn k/t ngày 30.09.68 do SVVT số 3.310-TNPD3/QT/TC/L ngày 02.10.68 .

2

KBC 4.735, ngày 9 tháng 8 năm 1969

T. Đại-Tá PHAN-ĐẮC-HÒA

Trung-Đoàn-Trưởng Trung-Đoàn 3 Bộ-Binh

Đại-Ủy TRẦN-KHẮC-TỐ

Sĩ-Quan Quân-Trị



C O N T R O L

____ Card
____ ✓ Doc. Request; Form 5/1/90
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter